BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 2167-CV/VHLKHCNVN
vê việc báo cáo tổng kết công tác 2026 xây dựng phương hướng kế hoạch 2027

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc

Để chuẩn bị cho công tác tổng kết năm 2026 và xây dựng phương hướng thực hiện kế hoạch năm 2027, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (sau đây viết tắt là Viện Hàn lâm) đã xây dựng các biểu mẫu báo cáo trên hệ thống online: htttp://anrep.vast.vn.

Viện Hàn lâm yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện nghiêm túc việc tổng kết, đánh giá đầy đủ kết quả công tác năm 2026, xây dựng phương hướng thực hiện kế hoạch năm 2027 của đơn vị trên hệ thống online và nộp báo cáo theo đúng biểu mẫu đính kèm.

Ngoài các báo cáo trên, đơn vị lựa chọn kết quả hoạt động KHCN nổi bật trong năm 2026, trình bày trong 01 file Power Point 3-5 trang làm cơ sở cho báo cáo tổng kết của Viện Hàn lâm.

Các đơn vị có thể tham khảo thêm các tài liệu "Báo cáo tổng kết công tác năm 2025 và kế hoạch năm 2026", và "Báo cáo hoạt động năm 2025" (kể cả Phụ lục) của Viện Hàn lâm đã xuất bản.

Để nâng cao chất lượng báo cáo tổng kết công tác năm 2026 và xây dựng phương hướng kế hoạch năm 2027, Viện Hàn lâm đề nghị các đơn vị bám sát mẫu báo cáo cập nhật mới năm 2026 (Biểu 1a_Dành cho các đơn vị trực thuộc và Biểu 1b_Dành cho Khối chức năng), hoàn thành đầy đủ và chất lượng các yêu cầu của từng nội dung báo cáo. Trong đó, chú trọng phần đánh giá tình hình thực hiện và các kết quả đạt được của từng nội dung trong báo cáo.

Thời hạn nhập dữ liệu trên phần mềm: **đến 16h30' ngày 06/11/2026 (link truy cập: htttp://anrep.vast.vn).**

Báo cáo của đơn vị gửi về Viện Hàn lâm **trước ngày 10/11/2026** trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng, đồng thời gửi bản giấy về Ban Khoa học và Công nghệ **(**file dữ liệu gửi về địa chỉ email: khcn@vast.vn).

Đây là công tác quan trọng của Viện Hàn lâm, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo đơn vị mình khẩn trương, nghiêm túc thực hiện, hoàn thành đầy đủ, đảm bảo chất lượng và đúng thời hạn. Chất lượng báo cáo sẽ là một tiêu chí trong đánh giá thành tích của đơn vị. Đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Viện Hàn lâm về chất lượng báo cáo.

(Thông tin chi tiết tham khảo tại Phụ lục kèm theo).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch Viện (để báo cáo);
- PCT. Trần Tuấn Anh;
- Cổng TTĐT Viện Hàn lâm;
- Lưu VT, KHCN.
DoanThiHienDung

K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Trần Tuấn Anh

Phụ lục

(kèm theo Công văn số 2167 /VHLKHCNVN, ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Biểu 1a: Tổng kết - Kế hoạch
(Dành cho các đơn vị trực thuộc)

BÁO CÁO
tổng kết công tác năm 2026 và phương hướng kế hoạch 2027

I. TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2026

1. Đánh giá chung

- Đánh giá tổng thể kết quả các mặt hoạt động trong năm 2026 của đơn vị theo chức năng nhiệm vụ được phê duyệt (KHCN, ĐMST, CĐS, TCCB, HTQT, công tác giải ngân đầu tư công, đào tạo, nâng cao tiềm lực cán bộ, xuất bản, thi đua khen thưởng, ...).

- Đánh giá tình hình triển khai các hoạt động chung của đơn vị sau khi sáp nhập (nếu có).

- Đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch đề ra đầu năm 2026. Nêu rõ các kết quả đạt được, những vấn đề còn tồn tại, nguyên nhân, khó khăn vướng mắc và các kiến nghị, đề xuất (đặc biệt đối với các hoạt động của đơn vị sau khi thực hiện công tác sáp nhập).

- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 tại Viện Hàn lâm tại Quyết định số 298/QĐ-VHLKHCNVN, ngày 14/02/2026; kế hoạch của Viện Hàn lâm trong Quyết định số 116/QĐ-VHL, ngày 24/01/2024 ban hành Kế hoạch thực hiện của Viện Hàn lâm theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; và các Nghị quyết liên quan khác như Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

2. Kết quả hoạt động năm 2026

2.1. Kết quả khoa học công nghệ

- Tổng hợp tình hình thực hiện các hoạt động KHCN của đơn vị trong năm 2026.

- Đánh giá tình hình thực hiện, giới thiệu kết quả đạt được của các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ nổi bật trong năm 2026 của đơn vị.

2.2. Kết quả đổi mới sáng tạo

- Nêu bật các kết quả cụ thể về hoạt động nghiên cứu, ứng dụng triển khai, hợp tác với bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, chuyển giao công nghệ, phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích theo 08 lĩnh vực nghiên cứu khoa học ưu tiên (Công nghệ thông tin- điện tử- tự động hóa, Công nghệ sinh học, Khoa học vật liệu, Đa dạng sinh học và các chất có hoạt tính sinh học, Khoa học và công nghệ biển, Khoa học trái đất, Năng lượng và môi

trường, Công nghệ vũ trụ) và các kết quả nổi bật khác liên quan đến đổi mới sáng tạo của đơn vị trong năm 2026.

2.3. Kết quả về chuyển đổi số

Báo cáo tình hình, kết quả triển khai chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành và hoạt động nghiên cứu khoa học, số hóa dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp, nhu cầu nguồn lực nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trong thời gian tới.

2.4. Công tác tổ chức - cán bộ

Đánh giá tình hình thực hiện và kết quả đạt được trong công tác tổ chức - cán bộ (nhân sự, tinh giản biên chế, tuyển dụng, tinh gọn bộ máy, bổ nhiệm/miễn nhiệm, thi đua khen thưởng, ...)

2.5. Kết quả xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ

a) Tiềm lực cơ sở vật chất

Đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện các dự án xây dựng cơ bản, tăng cường trang thiết bị, dự án nâng cấp, sửa chữa cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm... do đơn vị thực hiện trong năm 2026. Đặc biệt chú ý đánh giá việc thực hiện kế hoạch khai thác sử dụng PTNTĐ và các thiết bị lớn đã được đầu tư.

b) Tiềm lực cán bộ

- Kết quả thực hiện chương trình nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu xuất sắc, hỗ trợ cán bộ trẻ, chương trình thu hút các nhà khoa học trẻ vào công tác tại Viện Hàn lâm.

- Kết quả tham gia Chương trình đào tạo sau tiến sĩ, Chương trình đào tại tiến sĩ chất lượng quốc tế, Chương trình hỗ trợ nghiên cứu viên cao cấp.

- Kết quả khác.

Giới thiệu tình hình và kết quả thực hiện các hoạt động nâng cao tiềm lực cán bộ khác do đơn vị thực hiện.

2.6. Kết quả hợp tác quốc tế, đào tạo, thông tin, xuất bản

Đánh giá kết quả hoạt động hợp tác quốc tế của đơn vị (ký kết thoả thuận hợp tác quốc tế, đoàn ra/đoàn vào, hội nghị/hội thảo/lớp học quốc tế, đề tài/dự án HTQT hoặc viện trợ ODA, NGO; số lượng và thời hạn các cán bộ được đào tạo dài hạn, ngắn hạn ở nước ngoài).

Tổng kết đánh giá công tác đào tạo sau đại học: số lượng NCS và học viên cao học, số lượng đã bảo vệ các luận án tiến sĩ và thạc sĩ, chất lượng đào tạo.

Công tác thông tin xuất bản: Số lượng, quy mô và kết quả các hội nghị, hội thảo, các khoá đào tạo, tập huấn do đơn vị thực hiện. Số lượng và chất lượng các xuất bản phẩm được hoàn thành; hoạt động của thư viện, thư viện điện tử, trang thông tin điện tử của đơn vị...

2.7. Các kết quả khác (Trung tâm tiên tiến, Trung tâm UNESCO, hoạt động khác.....):

3. Khó khăn, vướng mắc

4. Kiến nghị, đề xuất

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG, ĐIỂM MỚI TRONG KẾ HOẠCH 2027 CỦA ĐƠN VỊ

Nơi nhận:
-
-

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 1b: Tổng kết - Kế hoạch
(Dành cho các đơn vị chức năng)

BÁO CÁO
Tổng kết công tác năm 2026 và phương hướng kế hoạch 2027

I. TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2026

1. Đánh giá chung

- Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện, kết quả đạt được trong năm 2026 của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao.và các vấn đề còn tồn tại trong năm 2026.

- Đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch đề ra đầu năm 2026. Nêu rõ các kết quả đạt được, những vấn đề còn tồn tại, nguyên nhân, khó khăn vướng mắc trong công tác tham mưu cho lãnh đạo Viện Hàn lâm, công tác quản lý, các hoạt động của đơn vị và các kiến nghị, đề xuất.

2. Kết quả thực hiện

Trong từng lĩnh vực được giao, có những tổng hợp các hoạt động chính do đơn vị thực hiện trong năm 2026 và đưa ra những nhận định, đánh giá các kết quả đạt được từng lĩnh vực.

2.1. Lĩnh vực/nhiệm vụ 1

- Tổng hợp các hoạt động chính của Viện Hàn lâm do đơn vị thực hiện trong *Lĩnh vực/nhiệm vụ 1*.

- Nhận định, đánh giá các kết quả đạt được trong *Lĩnh vực/nhiệm vụ 1*.

2.2. Lĩnh vực/nhiệm vụ 2

- Tổng hợp các hoạt động chính của Viện Hàn lâm do đơn vị thực hiện trong *Lĩnh vực/nhiệm vụ 2*.

- Nhận định, đánh giá các kết quả đạt được trong *Lĩnh vực/nhiệm vụ 2*.

2.2. Lĩnh vực/nhiệm vụ 3

.....

3. Các hoạt động nổi bật

Điểm lại các hoạt động chính, nổi bật của Viện Hàn lâm do đơn vị thực hiện trong năm 2026 (hình ảnh kèm theo).

II. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH NĂM 2027

Phương hướng, kế hoạch thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị.

Nơi nhận:
-

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Báo cáo dành cho các đơn vị chức năng.

- Báo cáo trình bày ngắn gọn, súc tích;

** Bên cạnh báo cáo toàn văn, gửi kèm 01 báo cáo rút gọn (không quá 4 trang A4).*
Báo cáo rút gọn sẽ được scan, đưa nguyên văn vào báo cáo Tổng kết của Viện Hàn lâm.

Biểu 2: Giới thiệu đơn vị

TÊN ĐƠN VỊ: ……..

1. Trình bày:

- ***Tối đa 02 trang A4***

- Có ảnh đặc trưng, cập nhật của đơn vị và chú thích đi kèm (không tính vào 02 trang nội dung).

- Sử dụng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, cách dòng Multiple 1,3.

- Khổ giấy A4; lề trái: 3cm; lề trên, dưới và phải: 2cm.

2. Nội dung:

- Tên đơn vị: (Tên tiếng Việt, tiếng Anh, tên viết tắt)

- Địa chỉ liên hệ: (Địa chỉ, ĐT, Website, Email)

- Lãnh đạo (Chức danh, họ tên của người đứng đầu, cấp phó):

- Hội đồng khoa học (Số lượng thành viên; Chức danh, họ tên của Chủ tịch; Phó Chủ tịch; Thư ký HĐKH)

- Lực lượng cán bộ: số cán bộ biên chế, số cán bộ hợp đồng; số GS, PGS, TSKH, TS, ThS, KS/CN, chức danh: NCVCC, NCVC, NCV…., ngạch: KSCC, KSC, KS…

- Chức năng nhiệm vụ của đơn vị:

- Cơ cấu tổ chức (Tên các phòng, nhóm trực thuộc):

- Các hoạt động thường xuyên: KHCN, ứng dụng triển khai, đào tạo, ...

- Một số số liệu thống kê điển hình về đơn vị năm 2026 (tính từ ngày 01/12/2025 đến ngày 30/10/2026):

+ Số đề tài KHCN, kinh phí được giao:

+ Số hợp đồng kinh tế, kinh phí thực hiện:

+ Số lượng bài báo quốc tế, bài báo trong nước, proceedings hội nghị quốc tế, trong nước, sách chuyên khảo đã đăng năm 2026:

+ Số lượng phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp năm 2026:

+ Nhóm nghiên cứu mạnh (có số lượng công trình công bố cao, chất lượng): *Ghi rõ số lượng và tên nhóm nghiên cứu mạnh.*

+ Số NCS, học viên cao học đang đào tạo tại đơn vị:

+ Số NCS, cao học là cán bộ của đơn vị đang đào tạo ở nước ngoài:

+ Các hội nghị, hội thảo do đơn vị tổ chức, đồng tổ chức:

+ Số lượng các thoả thuận hợp tác quốc tế đã ký kết:

+ Số lượng đoàn ra, đoàn vào.

3. Công trình KHCN nổi bật nhất năm 2026 (Mô tả tóm tắt, hình ảnh minh họa không tính vào 02 trang nội dung của Biểu)

...., ngày ... tháng .... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thông tin và hình ảnh cập nhật năm 2026

- Các đơn vị sự nghiệp và các đơn vị chức năng thực hiện báo cáo giới thiệu đơn vị mình với nội dung điều chỉnh cho phù hợp.

Biểu 3: Đề tài

TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ TÀI CÁC CẤP THỰC HIỆN NĂM 2026

Tên đơn vị……

*** Đề tài, nhiệm vụ kết thúc năm 2026**

Số TT	**Tên đề tài, nhiệm vụ (kèm mã số nếu có)**	**Chủ nhiệm, cơ quan chủ trì, phối hợp**	**Mục tiêu**	**Tóm tắt các kết quả đã đạt được**	**Thời gian**		**Kinh phí** *(triệu đồng)*		
					Bắt đầu	**Kết thúc**	**Tổng số (*)**	**Đã cấp**	**Năm 2026**
1	***2***	***3***	***4***	***5***	***6***	***7***	***8=9+10***	***9***	***10***
A	**Nhiệm vụ KH-CN cấp Nhà nước**								
I	**Nhiệm vụ Chính phủ giao Viện Hàn lâm KHCNVN**								
1	Đề tài: (Chương trình:)								
II	**Đề tài độc lập cấp Nhà nước**								
1	Đề tài: (Chương trình:)								
III	**Đề tài thuộc Chương trình Trọng điểm cấp Nhà nước (KC, KX)**								
1	Đề tài: (Chương trình:)								
IV	**Nhiệm vụ KHCN đột xuất/tiềm năng do Quỹ Phát triển KH và CN Quốc gia tài trợ**								
1									
V	**Đề tài nghiên cứu cơ bản thuộc Quỹ phát triển KH và CN Quốc gia (NAFOSTED)**								
1	Đề tài: (Thuộc hướng:….)								
VI	**Đề tài thuộc Chương trình giao cho các Bộ, ngành khác (Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.**								
1	Đề tài:…..								
	…								

2	Đề tài thuộc "Kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia đến năm 2020 ban hành tại Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày, 30/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ"								
	...								
3	Nhiệm vụ thuộc "Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá rủi ro, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hoá chất độc trên biển giai đoạn 2018-2020" ban hành tại Quyết định số 1862/QĐ-TTg, ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ.								
	...								
VII	**Đề tài ủy quyền thực hiện tại Viện Hàn lâm KHCNVN**								
1	***Dự án, nhiệm vụ thuộc Sự nghiệp Kinh tế***								
1.1	Dự án Điều tra cơ bản								
	…								
1.2	Nhiệm vụ đài trạm								
	…								
2	***Đề tài thuộc Sự nghiệp Bảo vệ môi trường***								
-	Đề tài:……..								
B	**Đề tài KH-CN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN**								
1	***Đề tài trọng điểm cấp Viện Hàn lâm KHCNVN***								
-	Đề tài: ……								
2	***Đề tài độc lập cấp Viện Hàn lâm KHCNVN;***								
-	Đề tài: ……								
3	***Nhiệm vụ Chủ tịch Viện giao***								
	Nhiệm vụ….								
4	***Đề tài thuộc Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất và Khoa học biển giai đoạn 2017 - 2025 (theo Quyết định 562/QĐ-TTg, ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ)***								
a	Đề tài thuộc lĩnh vực Hóa học								

b	Đề tài thuộc lĩnh vực khoa học sự sống								
c	Đề tài thuộc lĩnh vực khoa học trái đất								
d	Đề tài thuộc lĩnh vực khoa học biển								
5	***Đề tài thuộc Chương trình Vật lý cấp Viện Hàn lâm KHCNVN***								
6	***Đề tài KH-CN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN theo 08 hướng ưu tiên***								
a	*VAST01*								
b	*VAST02*								
c	*VAST03*								
d	*VAST04*								
đ	*VAST05*								
e	*VAST06*								
g	*VAST07*								
h	*VAST 08*								
7	***Đề tài độc lập trẻ cấp Viện Hàn lâm KHCNVN***								
8	***Chương trình thu hút nhà khoa học trẻ vào công tác tại Viện Hàn lâm***								
a	Đề tài thuộc Chương trình thu hút nhà khoa học trẻ trình độ cao								
b	Đề tài thuộc Chương trình thu hút nhà khoa học trẻ tài năng								
9	***Chương trình Toán học***								
10	***Chương trình 4.0***								
11	***Chương trình tăng trưởng xanh***								

C	**Các đề tài khác** (từ cấp Viện Hàn lâm KHCNVN trở lên: Đề tài giao đột xuất, các nhiệm vụ khác ...)								
1	***Nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm xuất sắc:***								
a	Nhệm vụ hạng I								
	Tên nhiệm vụ: ….								
b	Nhiệm vụ hạng II:								
	Tên nhiệm vụ: ….								
2	***Nhiệm vụ đài trạm (nguồn sự nghiệp khoa học)***								
	Nhiệm vụ thuộc nguồn Sự nghiệp văn hóa								
3	**Nhiệm vụ KH-CN cấp cơ sở chọn lọc:**								
	Tên nhiệm vụ: ….								
4	**Nhiệm vụ hỗ trợ NCVCC**								
	Nhiệm vụ hạng A								
	Nhiệm vụ hạng B								
5	**Nhiệm vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt dộng KHCN**								
	Tên nhiệm vụ: ….								
6	**Nhiệm vụ KH-CN cấp cơ sở** (Chỉ thống kê tổng số đề tài, tổng kinh phí đã cấp, tóm lược các kết quả đã đạt được)								
	Cộng								

*** Đề tài, nhiệm vụ chuyển tiếp sang năm sau**

Số TT	**Tên đề tài, nhiệm vụ (kèm mã số nếu có)**	**Chủ nhiệm, cơ quan chủ trì, phối hợp**	**Mục tiêu**	**Tóm tắt các kết quả đã đạt được**	**Thời gian**		**Kinh phí** *(triệu đồng)*			
					Bắt đầu	**Kết thúc**	**Tổng số (**)**	**Đã cấp**	**Năm 2026**	**Kinh phí cam kết giải ngân trong năm 2026 (***)**

1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
A	**Nhiệm vụ KH-CN cấp Nhà nước**									
I	**Nhiệm vụ Chính phủ giao Viện Hàn lâm KHCNVN**									
	Đề tài: (Chương trình:)									
II	**Đề tài độc lập cấp Nhà nước**									
	Đề tài: (Chương trình:)									
III	**Đề tài thuộc Chương trình Trọng điểm cấp Nhà nước (KC, KX)**									
1	Đề tài: (Chương trình:)									
IV	**Nhiệm vụ KHCN đột xuất/tiềm năng do Quỹ Phát triển KH và CN Quốc gia tài trợ**									
1										
V	**Đề tài nghiên cứu cơ bản thuộc Quỹ phát triển KH và CN Quốc gia (NAFOSTED)**									
	Đề tài: (Thuộc hướng:….)									
VI	**Đề tài thuộc Chương trình giao cho các Bộ, ngành khác (Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường…..)**									
1	Đề tài:…..									
	…									
VII	**Đề tài ủy quyền thực hiện tại Viện Hàn lâm KHCNVN**									
1	***Dự án điều tra cơ bản thuộc Sự nghiệp Kinh tế***									
-	Dự án:……..									
2	***Đề tài thuộc Sự nghiệp Bảo vệ môi trường***									
-	Đề tài:……..									
B	**Đề tài KH-CN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN**									
1	***Đề tài trọng điểm cấp Viện Hàn lâm KHCNVN***									
-	Đề tài: ……									
2	***Đề tài độc lập cấp Viện Hàn lâm KHCNVN;***									
-	Đề tài: ……									

3	***Nhiệm vụ Chủ tịch Viện giao***									
	Nhiệm vụ….									
4	***Đề tài thuộc Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Hoá học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất và Khoa học biển giai đoạn 2017 - 2025 (theo Quyết định số 562/QĐ-TTg, ngày 25/4/2017)***									
a	Đề tài thuộc lĩnh vực Hóa học									
b	Đề tài thuộc lĩnh vực khoa học sự sống									
c	Đề tàithuộc lĩnh vực khoa học trái đất									
d	Đề tài thuộc lĩnh vực khoa học biển									
5	***Đề tài thuộc Chương trình Vật lý cấp Viện Hàn lâm KHCNVN***									
6	***Đề tài KH-CN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN theo 08 hướng ưu tiên***									
a	*VAST01*									
b	*VAST02*									
c	*VAST03*									
d	*VAST04*									
đ	*VAST05*									
e	*VAST06*									
g	*VAST07*									
h	*VAST08*									
7	***Đề tài độc lập trẻ cấp Viện Hàn lâm KHCNVN***									
	Tên đề tài: ….									
8	***Chương trình thu hút nhà khoa học trẻ vào công tác tại Viện Hàn lâm***									

a	Đề tài thuộc Chương trình thu hút nhà khoa học trẻ trình độ cao									
b	Đề tài thuộc Chương trình thu hút nhà khoa học trẻ tài năng									
9	***Chương trình Toán học***									
10	***Chương trình 4.0***									
11	***Chương trình tăng trưởng xanh***									
12	***Chương trình NCCB và phát triển vật liệu đặc biệt***									
13	***Nghiên cứu cơ bản thuộc Chương trình NCCB chất lượng cao***									
C	**Các đề tài khác:**									
1	**Nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm xuất sắc:**									
a	Nhệm vụ hạng I									
	Tên nhiệm vụ: ….									
b	Nhiệm vụ hạng II:									
	Tên nhiệm vụ: ….									
2	**Nhiệm vụ Khởi nguồn**									
	Tên nhiệm vụ: ….									
	Nhiệm vụ hạng A									
	Nhiệm vụ hạng B									
3	**Nhiệm vụ KH-CN cấp cơ sở** (Chỉ thống kê tổng số đề tài, tổng kinh phí đã cấp, tóm lược các kết quả đã đạt được)									
	Cộng									

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Phần tóm tắt các kết quả đã đạt được của từng nhiệm vụ ghi không quá 80 từ;
- Phần Mục tiêu của từng nhiệm vụ ghi không quá 50 từ;
- Đề nghị điền đầy đủ thông tin tất cả các cột. Trường hợp thiếu thông tin sẽ không đủ điều kiện để đưa vào báo cáo;
- Điền m- Cột Tổng KP (*) gồm: KP đã cấp của đề tài trước năm báo cáo + kinh phí cấp của năm báo cáo;
- Cột Tổng KP(**) là Tổng KP được phê duyệt;
- Cột 9: KP đã cấp của đề tài trước năm báo cáo
- Mã số đề tài/nhiệm vụ (nếu có);
- (***) Cột 11: Số liệu này là số liệu cam kết đề tài được quyết toán ngân sách tại KBNN trong năm 2026 (tính đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán).
Thực hiện theo khoản 3, Điều 49, Luật KH,CN và ĐMST năm 2025.

Biểu 4_Ứng dụng triển khai

TỔNG HỢP DANH MỤC
Các nhiệm vụ phát triển công nghệ, ứng dụng triển khai năm 2026
Tên đơn vị……

I. Dự án SXTN cấp Nhà nước

Số TT	Tên đề tài, nhiệm vụ	Tên đơn vị chủ trì và tên chủ nhiệm dự án	Mục tiêu dự án, địa điểm triển khai	Tóm tắt các kết quả chính đã đạt được	Thời gian		Kinh phí *(triệu đồng)*		
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Đã cấp	Năm 2026
A	**Các dự án kết thúc năm 2026**								
B	**Các dự án chuyển sang năm sau**								
	Cộng								

II. Dự án SXTN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN

Số TT	Tên đề tài, nhiệm vụ	Tên đơn vị chủ trì và tên chủ nhiệm dự án	Mục tiêu dự án, địa điểm triển khai	Tóm tắt các kết quả chính đã đạt được	Thời gian		Kinh phí *(triệu đồng)*		
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Đã cấp	Năm 2026
A	**Các dự án kết thúc năm 2026**								
B	**Các dự án chuyển sang năm sau**								
	Cộng								

III. Dự án Phát triển sản phẩm thương mại

Số TT	Tên đề tài, nhiệm vụ	Tên đơn vị chủ trì và tên chủ nhiệm dự án	Mục tiêu dự án, địa điểm triển khai	Tóm tắt các kết quả chính đã đạt được	Thời gian		Kinh phí *(triệu đồng)*		
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Đã cấp	Năm 2026

A	**Các dự án kết thúc năm 2026**								
B	**Các dự án chuyển sang năm sau**								
	Cộng								

IV. Đề tài hợp tác với Bộ, Ngành, địa phương

Số TT	**Tên đề tài, nhiệm vụ**	**Tên đơn vị chủ trì và tên chủ nhiệm đề tài**	**Mục tiêu đề tài, địa điểm triển khai/địa phương hợp tác**	**Tóm tắt các kết quả chính đã đạt được**	**Thời gian**		**Kinh phí** *(triệu đồng)*		
					Bắt đầu	**Kết thúc**	**Tổng số**	**Đã cấp**	**Năm 2026**
A	**Các dự án kết thúc năm 2026**								
B	**Các dự án chuyển sang năm sau**								
	Cộng								

V. Các đề tài ứng dụng KHCN đặt hàng

Số TT	**Tên đề tài, nhiệm vụ**	**Tên đơn vị chủ trì và tên chủ nhiệm đề tài**	**Mục tiêu đề tài, địa điểm triển khai ứng dụng**	**Tóm tắt các kết quả chính đã đạt được**	**Thời gian**		**Kinh phí** *(triệu đồng)*		
					Bắt đầu	**Kết thúc**	**Tổng số**	**Đã cấp**	**Năm 2026**
A	**Các dự án kết thúc năm 2026**								
B	**Các dự án chuyển sang năm sau**								
	Cộng								

VI. Các nhiệm vụ phát triển công nghệ

Số TT	Tên đề tài, nhiệm vụ	Tên đơn vị chủ trì và tên chủ nhiệm đề tài	Mục tiêu đề tài, địa điểm triển khai ứng dụng	Tóm tắt các kết quả chính đã đạt được	Thời gian		Kinh phí *(triệu đồng)*		
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Đã cấp	Năm 2026
A	**Các dự án kết thúc năm 2026**								
B	**Các dự án chuyển sang năm sau**								
	Cộng								

....., *ngày ... tháng ... năm 2026*

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- *Các dự án kết thúc: Phần tóm tắt các kết quả chính cần nêu rõ sản phẩm của dự án, nơi lưu trữ sản phẩm, địa chỉ ứng dụng;*
  Các dự án chuyển tiếp: Nêu tóm tắt các kết quả chính đã đạt được đến thời điểm báo cáo;
  Mục tiêu của dự án ghi không quá 50 từ;
  Kết quả chính của dự án ghi không quá 80 từ;
  Đị*a chỉ: Chỉ cần ghi đến cấp Xã, Tỉnh, Thành phố.*

Biểu 5: Kết quả nổi bật

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHCN NỔI BẬT NĂM 2026
TÊN ĐƠN VỊ……

(Tối đa 5 sản phẩm)
Xem hướng dẫn lập Báo cáo kết quả KHCN nổi bật (phụ biểu 5a)

I. Sản phẩm Khoa học và Công nghệ:

1. Tên kết quả hoặc sản phẩm: (Tên sản phẩm 1)

(Mô tả sản phẩm trong 1-2 trang A4, có hình ảnh minh họa và chú giải, tham khảo Phụ Biểu 5b)

2. Tên kết quả hoặc sản phẩm: (Tên sản phẩm 2)

(Mô tả sản phẩm trong 1-2 trang A4, có hình ảnh minh họa và chú giải, tham khảo Phụ Biểu 5b)

3. Tên kết quả hoặc sản phẩm: (Tên sản phẩm 3)

(Mô tả sản phẩm trong 1-2 trang A4, có hình ảnh minh họa và chú giải, tham khảo Phụ Biểu 5b)

II. Công trình công bố khoa học:

1. Tên và nội dung tóm tắt của 02 công trình công bố quốc tế và văn bằng sở hữu trí tuệ đặc biệt xuất sắc (kèm theo thuyết minh lý do đề xuất đánh giá đặc biệt xuất sắc (tối đa 01 trang/công trình).

2. Tên và nội dung tóm tắt của 20% công trình công bố quốc tế và văn bằng sở hữu trí tuệ có chất lượng cao.

...., ngày ... tháng .... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 6a: Công nghệ sẵn sàng chuyển giao

CÔNG NGHỆ SẴN SÀNG CHUYỂN GIAO NĂM 2026

Tên đơn vị……

Tên sản phẩm	
Xuất xứ công nghệ	Đề tài, dự án cấp Nhà nước ☐ Bộ, ngành ☐ Khác ☐ Đề tài khoa học Nafosted……...…….. ……...……..
Mô tả sản phẩm	
Lĩnh vực ứng dụng	
Ưu điểm nổi bật	
Ảnh minh họa	
Tình trạng ứng dụng triển khai	Sản phẩm nghiên cứu ☐ Sản xuất thử nghiệm ☐ Sản xuất theo đơn đặt hàng ☐ Sản xuất thường xuyên ☐
Địa chỉ liên hệ	

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 6b: Chuyển giao công nghệ

TỔNG HỢP DANH MỤC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ NĂM 2026

Tên đơn vị……

Số TT	**Tên đơn vị chuyển giao công nghệ**	**Tên đơn vị nhận chuyển giao công nghệ**	**Thời gian chuyển giao**	**Tên công nghệ**	**Hình thức chuyển giao** *(toàn bộ, một phần)*	**Nội dung chuyển giao công nghệ**	**Giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ** *(triệu đồng)*	**Xuất xứ công nghệ** *(tên, mã số văn bằng SHTT; hoặc tên, mã số (nếu có) nhiệm vụ khoa học công nghệ)*
	Cộng							

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 6c: Hợp đồng KHCN

TỔNG HỢP DANH MỤC HỢP ĐỒNG KHCN NĂM 2026

Tên đơn vị……

I. Hợp đồng thực hiện các đề tài, dự án với các sở KHCN, các Doanh nghiệp bằng kinh phí sự nghiệp khoa học, đề tài nhánh với các đơn vị khác
(Hợp đồng không chịu thuế)

Số TT	Bên A: Tên đơn vị, tên người đại diện, địa chỉ	Bên B: Tên đơn vị và cá nhân chủ trì thực hiện	Mục tiêu và nội dung chính, địa điểm triển khai	Mức độ KHCN của Hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng		Kinh phí *(triệu đồng)*	
				Thấp	Cao	Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Năm 2026 nhận được
A	**Các hợp đồng kết thúc năm 2026**								
B	**Các hợp đồng chuyển sang năm sau**								
	Cộng								

II. Hợp đồng dịch vụ KHCN (Hợp đồng chịu thuế)

Số TT	Bên A: Tên đơn vị, tên người đại diện, địa chỉ	Bên B: Tên đơn vị và cá nhân chủ trì thực hiện	Mục tiêu và nội dung chính, địa điểm triển khai	Mức độ KHCN của Hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng		Kinh phí *(triệu đồng)*	
				Thấp	Cao	Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Năm 2026 nhận được
A	**Các hợp đồng kết thúc năm 2026**								

B	**Các hợp đồng chuyển sang năm sau**								
	Cộng								

III. Tổng nguồn thu hoạt động sự nghiệp thực tế theo sổ kế toán của đơn vị (triệu đồng): *(Tính từ ngày 01/12/2025 đến 30/11/2026)*

IV. Tổng nguồn thu hoạt động dịch vụ thực tế theo sổ kế toán của đơn vị (triệu đồng): *(Tính từ ngày 01/12/2025 đến 30/11/2026)*

Ghi chú:

- Đối với các dự án kết thúc phải nêu cụ thể sản phẩm của dự án, nơi lưu trữ sản phẩm, địa chỉ ứng dụng;
- Đối với các hợp đồng chuyển tiếp sang năm sau, nêu các kết quả chính đã thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- Địa chỉ: Chỉ cần ghi tới cấp Xã, Tỉnh, Thành phố;
- Mục tiêu và nội dung chính của hợp đồng ghi không quá 100 từ.

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 7a: Đào tạo

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NĂM 2026

Tên đơn vị……

I. Đào tạo đại học *(Biểu dành cho Đơn vị là cơ sở đào tạo: gồm Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Học viện Khoa học và Công nghệ và Viện Toán học)*

I.1. Loại hình đào tạo

Số TT	**Loại hình đào tạo**	**Số lượng đang thực hiện trong hạn (tại thời điểm báo cáo**			**Số lượng đang thực hiện ngoài hạn** *(tại thời điểm báo cáo)*			**Số lượng luận án, luận văn đã bảo vệ năm 2026**		**Kinh phí được cấp** *(triệu đồng)*
		Chuyển tiếp trong hạn	Tuyển mới 2026	Tổng số	Gia hạn	Quá hạn	Tổng số	Cấp cơ sở	Cấp Viện Hàn lâm	
1	Nghiên cứu sinh									
2	Cao học									
3	Sinh viên									
	Cộng									

I.2. Khoa/Chương trình đào tạo

Số TT	**Khoa**	**Số lượng nghiên cứu sinh**			**Số lượng cao học viên**			**Số lượng sinh viên**		
		Chuyển tiếp năm 2025	Tuyển mới 2026	Tổng số	Chuyển tiếp năm 2025	Tuyển mới 2026	Tổng số	Chuyển tiếp năm 2025	Tuyển mới 2026	Tổng số
1										
2										
3										
…										
Cộng										

II. Giảng viên

Số TT	Chỉ tiêu	Số lượng chuyển tiếp từ năm 2025				Số lượng ký hợp đồng mới năm 2026 (tính đến thời điểm báo cáo)				Lũy kế tính đến thời điểm báo cáo			
		Tổng số	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Tổng số	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Tổng số	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ
1	Giảng viên cơ hữu												
2	Giảng viên đồng cơ hữu (*)												
3	Giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng												

(*): Thống kê trên cơ sở có ký hợp đồng giảng dạy tại cơ sở giáo dục

III. Hợp tác quốc tế về đào tạo

Số TT	Nội dung	Số lượng	Quốc gia/đối tác	Nội dung	Kết quả thực hiện
1	Thỏa thuận hợp tác đào tạo				
2	Chương trình đào tạo liên kết quốc tế				
3	Cán bộ, giảng viên đi trao đổi, nghiên cứu ở nước ngoài				
4	Nghiên cứu viên/Học viên cao học/Sinh viên đi trao đổi, thực tập ở nước ngoài				
5	Chuyên gia, giảng viên nước ngoài đến giảng dạy, hướng dẫn				
6	Nghiên cứu viên/Học viên cao học/Sinh viên nước ngoài được tiếp nhận				
7	Khóa đào tạo, hội thảo chuyên môn quốc tế				

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 7b: Hợp tác quốc tế

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC HTQT NĂM 2026

Tên đơn vị…

I. Danh mục các thỏa thuận HTQT

Số TT	**Tên thỏa thuận**	**Tên và địa chỉ đối tác**	**Nội dung thỏa thuận** *(nêu rõ nội dung hợp tác, nghĩa vụ tài chính, nếu có)*	**Tên đại diện 2 bên ký thỏa thuận**			**Thời gian hiệu lực** *(năm ký – năm kết thúc)*
I	**Danh mục thỏa thuận HTQT đã ký còn hiệu lực:**						
1							
2							
II	**Danh mục thỏa thuận HTQT ký năm 2026**						
1							
2							

II. Các đề tài, dự án HTQT đang thực hiện

Số TT	**Tên đề tài, nhiệm vụ HTQT**	**Chủ nhiệm, cơ quan chủ trì phía VN**	**Chủ nhiệm, cơ quan chủ trì phía đối tác**	**Mục tiêu**	**Tóm tắt các kết quả đã đạt được** *(nêu rõ địa điểm triển khai, nơi lưu giữ sản phẩm)*	**Thời gian** *(bắt đầu - kết thúc)*	**Kinh phí** *(triệu đồng)*		
							Tổng số	**Đã cấp trước năm 2026**	**Năm 2026**
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8=9+10**	**9**	**10**
A	**Đề tài Nghị định thư cấp Nhà nước**								
B	**Đề tài HTQT cấp Viện Hàn lâm**								
C	**Dự án nhận viện trợ ODA (Viện trợ chính phủ)**								

D	**Dự án nhận viện trợ NGO (Viện trợ phi chính phủ)**								
E	**Các khoản viện trợ quốc tế khác (trang thiết bị, ấn phẩm, …)**								
	Cộng								

III. Thống kê Hội nghị, Hội thảo đã tổ chức và cho phép tổ chức năm 2026 và dự kiến tổ chức hoặc cho phép tổ chức năm 2027

STT	**Tên/Chủ đề Hội nghị/ Hội thảo**	**Đơn vị tổ chức**	**Đơn vị phối hợp**	**Cấp cho phép**	**Số lượng đại biểu**				**Chủ đề, nội dung hội nghị, hội thảo**	**Thời gian thực hiện**	**Địa điểm tổ chức**	**Nguồn, tổng kinh phí**	**Tình trạng báo cáo**
					Người Việt Nam	**Người nước ngoài**							
						Ở trong nước	**Từ nước ngoài vào**	**Đến từ nước/ tổ chức quốc tế**					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
HỘI NGHỊ, HỘI THẢO ĐÃ TỔ CHỨC VÀ CHO PHÉP TỔ CHỨC NĂM 2026													
HỘI NGHỊ, HỘI THẢO DỰ KIẾN TỔ CHỨC HOẶC CHO PHÉP TỔ CHỨC NĂM 2027													
B	**Lớp học quốc tế**												
	Tổng số												

IV. Trao đổi chuyên gia

A1. Đoàn ra do Viện Hàn lâm trực tiếp quản lý (lãnh đạo đơn vị)

Số TT	Tên đoàn	Trưởng đoàn/ chức vụ	Nước đi	Nội dung làm việc	Số ngày	Số người	Thời gian	Nguồn kinh phí		Số đoàn trong/ ngoài Kế hoạch		Báo cáo (Có/ không g)	Đề xuất
								NSNN	Nguồn khác	Trong	Ngoài		
	A.1. Công tác												
	A.2. Đào tạo												
	A.3. Khác												

A2. Đoàn ra do đơn vị trực thuộc quản lý

Số TT	Tên đoàn	Trưởng đoàn/ chức vụ	Nước đi	Nội dung làm việc	Số ngày	Số người	Thời gian	Nguồn kinh phí		Số đoàn trong/ ngoài Kế hoạch		Báo cáo (Có/ không g)	Đề xuất
								NSNN	Nguồn khác	Trong	Ngoài		
	A.1. Công tác												
	A.2. Đào tạo												
	A.3. Khác												

B. Đoàn vào

Số TT	Tên đoàn	Trưởng đoàn/chức vụ	Nước đến	Nội dung làm việc	Số ngày	Số người	Thời gian	Nguồn kinh phí		Trong/ ngoài Kế hoạch		Đề xuất	Ghi chú
								NSNN	Nguồn khác	Trong	Ngoài		
Đoàn đã thực hiện													
Tổng													

II. Tình hình trao, nhận các danh hiệu có yếu tố nước ngoài năm 2026

1. Trao nhận danh hiệu
2. Nhận danh hiệu

VI. Số lượng công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập

A. Tổng hợp số lượng du học sinh học bổng ngân sách nhà nước học tập tại nước ngoài

Stt	Quốc gia đến học	Số lượng người học theo các trình độ										Tổng cộng
		Ngoại ngữ	Phổ thông	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Dự bị đại học	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Thực tập	
I	**Châu Âu**											
	1											
	2											
	…											
II	**Châu Á**											
	1											
	2											
	…											
III	**Châu Mỹ**											
IV	**Châu Úc**											
V	**Châu Phi**											

B. Tổng hợp số lượng du học sinh học bổng khác và du học sinh tự túc học tập tại nước ngoài

Stt	Quốc gia đến học	Số lượng người học theo các trình độ										Tổng cộng
		Ngoại ngữ	Phổ thông	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Dự bị đại học	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Thực tập	
I	**Châu Âu**											
	1											
	2											
II	**Châu Á**											
	1											
	2											
III	**Châu Mỹ**											
IV	**Châu Úc**											
V	**Châu Phi**											

VII. Quản lý Hộ chiếu công vụ

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Số hộ chiếu	Loại hộ chiếu	Ngày giao hộ chiếu	Ngày nhận lại hộ chiếu	Tình trạng hộ chiếu	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1											
2											

VIII. Ảnh tư liệu và chú thích đi kèm (nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm 2026
Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 8: Tiềm lực

BÁO CÁO TIỀM LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2026
Tên đơn vị……

I. Tình hình cơ sở vật chất tính đến ngày 30/11/2026

1. Nhà đất (trụ sở, các trạm, trại, nhà xưởng ... do đơn vị quản lý sử dụng)

Số TT	Địa điểm, địa chỉ	Tổng diện tích đất (m^2)	Mục đích sử dụng Làm trụ sở làm việc/Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp/Làm nhà ở/Cho thuê/ Bỏ trống/Bị lấn chiếm/Sử dụng vào mục đích khác (ghi rõ).	Diện tích đất xây nhà (m2)	Loại nhà (Cấp 1, 2, ...)	Diện tích sử dụng (m2)
	Cộng					

2. Các phòng thí nghiệm đã được đầu tư trang thiết bị tính đến ngày 30/11/2026 (Kể cả Phòng thí nghiệm Trọng điểm)

Số TT	Tên phòng thí nghiệm	Tổng kinh phí *(triệu đồng)*	Địa chỉ phòng thí nghiệm	Năm đưa vào sử dụng
	Cộng			

3. Trang thiết bị lớn đã được đầu tư tính đến 30/11/2026 (có nguyên giá trên 100 triệu đồng)

Số TT	Tên thiết bị	Tính năng chính	Địa chỉ lắp đặt thiết bị	Năm đưa vào sử dụng

II. Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất năm 2026

1. Dự án xây dựng cơ bản

Số TT	Tên dự án	Thời gian thực hiện *(năm bắt đầu -năm kết thúc)*	Địa điểm xây dựng	Diện tích sàn xây dựng	Kinh phí *(triệu đồng)*	
					Tổng	Năm 2026
	Dự án chuyển tiếp					

	Dự án mở mới					
	Cộng					

2. Dự án mua sắm trang thiết bị

Số TT	**Tên dự án**	**Thời gian thực hiện** *(năm bắt đầu -năm kết thúc)*	**Địa điểm đầu tư**	**Tên thiết bị chính**	**Kinh phí** *(triệu đồng)*	
					Tổng	**Năm 2026**
	Dự án chuyển tiếp					
	Dự án mở mới					
	Cộng					

3. Dự án sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ

Số TT	**Tên dự án**	**Thời gian thực hiện** *(năm bắt đầu -năm kết thúc)*	**Địa điểm đầu tư**	**Tên thiết bị chính**	**Kinh phí** *(triệu đồng)*	
					Tổng	**Năm 2026**
	Dự án chuyển tiếp					
	Dự án mở mới					
	Cộng					

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 9: Hoạt động khác

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN XUẤT BẢN, BẢO TÀNG VÀ PHỔ BIẾN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2026
Tên đơn vị……

I. Hoạt động thông tin xuất bản do đơn vị xuất bản

1. Tạp chí:

Số TT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Năm thành lập	Ngôn ngữ	Số issue mỗi năm	Số issue năm 2026 đã xuất bản	Tổng số trang năm 2026	Tổng số bài năm 2026

2. Xuất bản sách chuyên khảo, sách tham khảo do đơn vị xuất bản (trong năm 2026)

Số TT	Tên sách	Mã số ISBN	Loại (chuyên khảo/tham khảo)	Ngôn ngữ sử dụng	Tên tác giả, đơn vị công tác	Nội dung chính	Tổng số trang

3. Nhập, mua tạp chí ở các thư viện của đơn vị năm 2026

Tổng số đầu tạp chí nhập, mua trong năm: , trong đó

- Tiếng Anh:
- Tiếng Việt:
- Ngoại ngữ khác:

4. Nhập, mua sách chuyên khảo ở các thư viện năm 2026

Số lượng sách nhập, mua trong năm: , trong đó

- Tiếng Anh:
- Tiếng Việt:
- Ngoại ngữ khác:

5. Thư viện điện tử

- Số lượng tạp chí online:
- Số sách online:
- Các dịch vụ thư viện điện tử khác:

II. Hoạt động bảo tàng

- Tên bảo tàng, địa chỉ:
- Các chủ đề và mẫu vật chính:

- Số lượng khách tới tham quan trong năm:
- Số tiền vé thu được (tính từ ngày 01/12/2025 đến ngày 30/11/2026):
- Số kinh phí nhận được từ ngân sách dành cho hoạt động bảo tàng:

III. Hoạt động phổ biến khoa học công nghệ, techmart:

Số TT	Tên hội chợ, triển lãm, techmart		Địa điểm, thời gian tổ chức	Số lượng gian hàng	Số lượng Công nghệ, thiết bị chào bán	Số lượng công nghệ, thiết bị trưng bày	Hợp đồng đã ký thông qua hội chợ		Giải thưởng tại Hội chợ
							Số lượng	Tổng giá trị *(triệu đồng)*	
	Cộng								

IV. Các Hội nghị, hội thảo, diễn đàn khoa học và công bố kết quả khoa học:

Số TT	Tên Hội nghị, Hội thảo		Cơ quan tổ chức, phối hợp	Địa điểm tổ chức	Thời gian	Số người tham dự	Số khách nước ngoài	Kinh phí Viện Hàn lâm KHCNVN hỗ trợ *(triệu đồng)*	Tác giả/Đơn vị chủ trì
A	Hội nghị, Hội thảo								
B	Diễn đàn khoa học								
C	Công bố kết quả khoa học								
	Cộng								

IV. Ảnh tư liệu và chú thích đi kèm

(Để phía sau biểu)

(Khi vào hệ thống phần mềm thì upload vào "tài liệu chung")

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 10: Thi đua – Khen thưởng

BÁO CÁO THỐNG KÊ THÀNH TÍCH THI ĐUA KHEN THƯỞNG NĂM 2026

Tên đơn vị……

I. Giải thưởng quốc tế

Số TT	Tên giải thưởng	Tên tác giả *(Cá nhân, tập thể, đơn vị)*	Ngày cấp, đơn vị cấp, số bằng, người ký giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Ghi chú

II. Giải thưởng cấp Nhà nước

Số TT	Tên giải thưởng	Tên tác giả *(Cá nhân, tập thể, đơn vị)*	Ngày cấp, đơn vị cấp, số bằng, người ký giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Ghi chú

III. Giải thưởng cấp Viện Hàn lâm KHCNVN hoặc cấp Bộ trở lên

Số TT	Tên giải thưởng	Tên tác giả *(Cá nhân, tập thể, đơn vị)*	Ngày cấp, đơn vị cấp, số bằng, người ký giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Ghi chú

IV. Các giải thưởng khoa học-công nghệ khác

Số TT	Tên giải thưởng	Tên tác giả *(Cá nhân, tập thể, đơn vị)*	Ngày cấp, đơn vị cấp, số bằng, người ký giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Ghi chú

V. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng các Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương

Số TT	Tên danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng	Tên tập thể, cá nhân được khen thưởng	Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành Quyết định	Cơ quan ban hành Quyết định	Nội dung khen thưởng

Ghi chú: *Cần nộp kèm bản sao các giải thưởng*

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 11: Công tác kiểm tra

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA NĂM 2026

Tên đơn vị: .....

A. Các yêu cầu thống kê thông tin

I. Các kết quả giải quyết khiếu nại (Theo biểu thống kê B.I): Thống kê số lượng các vụ việc khiếu nại tại đơn vị
II. Các kết quả giải quyết tố cáo (Theo biểu thống kê B.II): Thống kê số lượng các vụ việc tố cáo tại đơn vị
III. Các kết quả về công tác phòng, chống tham nhũng (Theo biểu thống kê B.III): Thống kê kết quả về công tác phòng, chống tham nhũng tại đơn vị.

B. Các biểu thống kê

I. TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI NĂM 2026

Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Kết quả giải quyết										Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định		Việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại		Ghi chú
Đơn nhận trong kỳ báo cáo	Đơn tồn kỳ trước chuyển sang	Tổng số vụ việc	Đã giải quyết				Phân tích kết quả (vụ việc)			Phân tích kết quả theo cấp			Số người được trả lại quyền lợi	Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn	Số vụ việc giải quyết quá thời hạn	Tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện trong kỳ báo cáo	Đã thực hiện	
			Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Quyết định giải quyết lần 1	Giải quyết lần 2 (Công nhận QĐ lần 1)	Giải quyết lần 2 (Hủy, sửa QĐ lần 1)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

II . TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN TỐ CÁO NĂM 2026

Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền					Kết quả giải quyết				Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định		Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo		Ghi chú
Đơn nhận trong kỳ báo cáo	Đơn tồn kỳ trước chuyển sang	Tổng số vụ việc	Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	Đã giải quyết	Tố cáo đúng	Tố cáo sai	Tố cáo đúng một phần	Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn	Số vụ việc giải quyết quá thời hạn	Tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện trong kỳ báo cáo	Đã thực hiện xong	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2026

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng và các văn bản	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG		
2	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về Phòng chống tham nhũng	Lượt	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)		
3	Đơn vị có thực hiện các quy định về công khi, minh bạch không?	Có/Không	
4	Đơn vị có thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ không?	Có/Không	
5	Đơn vị có thực hiện Quy chế sử dụng tài sản không?	Có/Không	

6	Đơn vị có thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở không?	Có/Không	
7	Đơn vị có thực hiện Quy chế công khai tài chính không?	Có/Không	
	Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn		
8	Số văn bản sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
9	Vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Có/Không	
10	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
11	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ công chức, viên chức		
12	Kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức trong đơn vị	Có/Không	
13	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
14	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
15	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
16	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng		
17	Lãnh đạo các phòng và tương đương bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
18	Lãnh đạo các phòng và tương đương đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
19	Lãnh đạo các phòng và tương đương bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
20	Cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản	Có/Không	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG		
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ		

21	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
22	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
23	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	Đơn	
24	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
25	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
26	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG		
27	Xử lý tham nhũng tại đơn vị	Có/Không	
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
28	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
29	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó:	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN		
	+ Tặng Giấy khen		

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 12: Chất lượng người làm việc do NSNN trả lương

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC DO NSNN TRẢ LƯƠNG NĂM 2026
Tên đơn vị……
(Tính đến thời điểm báo cáo)

TT	Tổng số người làm việc do NSNN trả lương được Viện Hàn lâm giao	Tổng số người làm việc do NSNN trả lương hiện có	Trong đó nữ	Học hàm		Trình độ					Ngạch viên chức/hạng chức danh NN				Ghi chú
				GS	PGS	TSKH	TS	ThS	ĐH	Khác	NCV CC và tương đương	NCV C và tương đương	NCV và tương đương	Khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*16*	*17*

Ghi chú: Không tính Hợp đồng 68

……, ngày……tháng……năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 13: Tổ chức bộ máy và số lượng người làm việc

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2026
Tên đơn vị……
(Tính đến thời điểm báo cáo)

TT	Tổng số lượng NLV	Số lượng người làm việc			Tổng số lượng Lãnh đạo các cấp	Số lượng lãnh đạo						Số lượng tổ chức cấp phòng và TĐ	Ghi chú
						Cấp Viện			Cấp phòng				
		Do NSNN trả lương	HĐLĐ thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ		Cấp trưởng	Cấp phó	Số lượng được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại năm 2026	Cấp trưởng	Cấp phó	Số lượng được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại năm 2026		
1	*2 = (3+4+5)*	*3*	*4*	*5*	*6= (7+8+10+11)*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*

……, ngày……tháng……năm 2026
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 14: Chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2026

Tên đơn vị:…..

(Tính đến thời điểm báo cáo)

TT	Số người làm việc được giao			Số người làm việc hiện có							
						Do NSNN trả lương					
							Trong đó				
							Số lượng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ khối văn phòng	Số lượng chức danh nghiên cứu (**)			
	Do NSNN trả lương	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Tổng số	Tổng số	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Tổng số		Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp và Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính và Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên và Kỹ sư
1	*2*	*3*	*4=2+3*	*5=6+7*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*

Ghi chú:

** Cán bộ phục vụ khối văn phòng nếu có chức danh nghiên cứu thì sẽ tính ở cột "Số lượng chức danh nghiên cứu"*

*** Số liệu chỉ tính cho cán bộ nghiên cứu trong biên chế và không tính các ngạch tương đương khác*

**** Thời điểm báo cáo đến 30/10 năm báo cáo*

……, ngày……tháng……năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 15: Đào tạo cao cấp lý luận chính trị

ĐÀO TẠO CAO CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NĂM 2026
Tên đơn vị……

TT	Đối tượng	Cán bộ đương chức			Cán bộ quy hoạch chức danh lãnh đạo			Nhu cầu đào tạo cao cấp LLCT	
		Tổng số	Đào tạo cao cấp LLCT		Tổng số	Đào tạo cao cấp LLCT		Hệ tập trung	Hệ không tập trung
			Đã đào tạo	Chưa đào tạo		Đã đào tạo	Chưa đào tạo		
1	Viện trưởng, Phó Viện trưởng và tương đương								
2	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của đơn vị trực thuộc								

……, ngày……tháng……năm 2026
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 16: Chi thường xuyên

Tên đơn vị:
Mã ĐVSD NSNN:
Tại KBNN:

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026
(Áp dụng cho cả đơn vị sự nghiệp khoa học và sự nghiệp giáo dục)
Tên đơn vị……

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2026		Dự kiến năm 2027
		Dự toán	Ước thực hiện	
I	**Nguồn thu (A)**			
1	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,…)			
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định			
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định); thu từ lãi tiền gửi ngân hàng (sau khi trừ phí dịch vụ ngân hàng (nếu có) và nộp thuế theo quy định);			
4	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)			
5	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)			
II	**Chi thường xuyên giao tự chủ để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (B)**			
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương			
2	Chi thường xuyên hoạt động chuyên môn, chi quản lý			
2.1	*Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài, có tài năng đặc biệt*			
2.2	*Chi hoạt động thường xuyên tại đơn vị: Chi hoạt động chuyên môn, chi bảo trì bảo dưỡng tài sản thường xuyên, chi mua sắm đảm bảo hoạt động thường xuyên từ nguồn kinh phí giao tự chủ, chi quản lý…*			
3	Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền xét chọn, tuyển chọn theo quy định pháp luật về khoa học và công nghệ			
4	Chi thực hiện công việc thu phí			
5	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)			
6	Chi trả lãi tiền vay (nếu có)			
7	Chi thường xuyên khác (nếu có)			
III	**Ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên = B-A**			

……, ngày……tháng……năm 2026
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

LƯU Ý CHUNG:

- Các đơn vị nghiên cứu Biểu mẫu và thông tin chính xác đầy đủ theo nội dung trong các biểu.
- File Excel được gửi kèm.